

CÁC BIỆN PHÁP TỔ CHỨC HỌC TẬP VÀ SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA HỌC SINH DÂN TỘC NỘI TRÚ

PHẠM HỒNG QUANG

I. Hoạt động dạy và học ở miền núi hiện đang đặt ra cho ngành giáo dục một yêu cầu bức thiết: thống nhất yêu cầu giữa nội dung chương trình, phương thức đào tạo của trường phổ thông với tính chất, đặc điểm các loại hình trường (phổ thông dân tộc nội trú) và trình độ còn hạn chế nhiều mặt của học sinh dân tộc: chất lượng ban đầu còn thấp, trình độ văn hoá chung chưa cao, năng lực giao tiếp và tổ chức tự học còn hạn chế, ngôn ngữ phổ thông còn yếu... Mục tiêu đào tạo của trường phổ thông trung học dân tộc nội trú là đào tạo nguồn cán bộ, trong đó yêu cầu về phẩm chất và năng lực người cán bộ có nhiều mặt, song năng lực văn hoá khoa học là tiền đề cho những mặt khác. Do vậy, học sinh dân tộc phải được học tốt chương trình phổ thông, phát triển trí tuệ và được chuẩn bị tốt những kỹ năng tiền đề làm cán bộ. Mọi biện pháp tổ chức học tập ở trường dân tộc nội trú (DTNT) phải xuất phát từ mục tiêu đào tạo - giáo dục trên đây là căn cứ vào địa điểm dân tộc nội trú của trường, hướng vào việc phát triển nhân cách toàn diện cho người học. Bản chất của của hoạt động giáo dục, dạy học trong trường DTNT là nâng cao trình độ nhận thức, văn hoá khoa học cho học sinh chính là "quá trình biến đổi tư duy cho con người từ lối tư duy hạn hẹp trong nền kinh tế tự nhiên,

tự cấp, tự túc dần dần thích nghi với nền kinh tế sản xuất hàng hoá" (1).

I. Tổ chức học tập là một quá trình thực hiện những biện pháp có cơ sở khoa học nhằm nâng cao hiệu suất của quá trình học tập với điều kiện sử dụng hợp lý thời gian sức lực và phương tiện của giáo viên và học sinh.

Dạng tổ chức học tập cơ bản là trên lớp và ngoài giờ - hai bộ phận hữu cơ hợp thành thể thống nhất thực hiện mục tiêu đào tạo của trường DTNT. Các dạng hoạt động trên vừa mang tính chất " phổ thông" "dân tộc" của loại hình trường trong khi trình độ văn hoá của học sinh rất khác nhau. Các hoạt động tổ chức học tập được diễn ra trong môi trường nội trú thuận lợi nhiều mặt.

Những đặc điểm tâm lý học sinh dân tộc là một tiền đề quan trọng trong việc xây dựng tổ chức các biện pháp học tập trong trường DTNT. Quá trình nghiên cứu vấn đề này cho phép chúng tôi rút ra những nhận xét sau đây: trình độ tư duy của học sinh dân tộc, qua kết quả thực nghiệm mức độ thông hiểu khái niệm (mức I: 75,4%; mức II : 18,3; mức III: 7,9) " Nhìn chung khả năng tư duy lý luận thấp, khả năng tư duy kinh nghiệm đạt tỷ lệ quá cao so với trình độ chung của lứa tuổi"(2). Do vậy, trong học tập, học sinh dân tộc thường lẫn lộn giữa các thuộc tính

(1). Nông Đức Mạnh. *Mấy vấn đề cấp thiết đối với các vùng dân tộc thiểu số hiện nay*, Tạp chí cộng sản 8/1992

bản chất và không bản chất của khái niệm. Các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, khái quát hoá đạt mức xấp xỉ trung bình 49,6%. Hạn chế cơ bản của học sinh dân tộc trong các thao tác tư duy là thiếu toàn diện và hệ thống, trình độ tư duy lý luận (khả năng phân tích, ngẫm suy, lập kế hoạch hành động còn quá thấp (lớp 10: 17,1; lớp 11: 28,3; lớp 12: 32,5). Về ngôn ngữ, với tư cách là công cụ của tư duy, ngôn ngữ tiếng Việt của học sinh dân tộc còn quá yếu kém: từ bình diện phát âm⁽³⁾ đến việc sử dụng từ, cấu trúc câu, ngữ pháp văn bản... Trong thực hành giao tiếp của học sinh dân tộc, phần nhiều bị hạn chế hạn chế từ phổ thông đến khi học đại học⁽⁴⁾)

Ngoài ra, các đặc điểm về tri giác, tình cảm, tính cách của học sinh dân tộc cũng có những đặc điểm cần lưu ý trong việc tổ chức học tập nhằm phát triển những mặt tốt và khắc phục những hạn chế. Nhu cầu học tập của học sinh dân tộc được hình thành chậm, nhất là trước khi được học ở trường dân tộc nội trú. Do ảnh hưởng của điều kiện kinh tế xã hội nên nhu cầu học tập chưa trở thành vấn đề cấp thiết đối với các em, động cơ học tập chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ học tập đề ra. Theo chúng tôi nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên là do học sinh dân tộc sống trong môi trường kinh tế xã hội lạc hậu, môi trường giao tiếp bị hạn chế cả về không gian và thời gian.

Sự phong phú về điều kiện vật chất là yếu tố góp phần tạo lên sự phát triển

ngôn ngữ tư duy. Thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp và học tập của học sinh dân tộc dẫn đến sự hạn chế khi lĩnh hội tiếng Việt. Đồng thời còn có nguyên nhân cơ bản từ phía nhà trường: từ nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, chất lượng và hiệu quả... vẫn dập khuôn theo cách dạy cho học sinh người Kinh.

III. Theo quan điểm của chúng tôi, sự phát triển nhận thức của học sinh dân tộc là một quy luật tất yếu, là một quá trình vận động và phát triển các mặt biểu hiện của tâm lý con người dưới tác động, ảnh hưởng của hoàn cảnh xã hội, trong sự thích nghi về tiếp nhận tích cực của cá nhân. Trong việc tổ chức học tập sự biến đổi trong nhận thức của người học chịu sự tác động của nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức dạy học. Bản chất của hoạt động này là sự chuyển biến tích cực trong hoạt động học tập của học sinh dân tộc; đặc biệt là các kỹ năng học tập, trình độ tư duy, khả năng sử dụng tiếng Việt của học sinh phổ thông là những chỉ số cơ bản để đánh giá. Những đặc điểm tâm lý - nhận thức của học sinh dân tộc đã in sâu vào tâm tư, tình cảm, thành thói quen, tập quán của họ, có tính ổn định tương đối. Do vậy, tổ chức các biện pháp học tập nhằm khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của các mặt của điều kiện kinh tế lạc hậu, thấp kém cho học sinh dân tộc là hướng đi cơ bản để thực hiện các biện pháp tiếp theo. Trong môi trường nội trú thuận lợi, cần sử dụng nó như một phương tiện để phát triển năng lực học tập, khả năng giao tiếp, kỹ năng tự tổ chức học tập cho học sinh dân tộc. Từ những tiền đề trên đây, từ 1993 - 1995 chúng tôi đã tiến hành xây dựng và thử nghiệm các biện pháp cơ bản tổ chức học tập cho học sinh dân tộc nội trú như sau:

(²). Phùng Đức Hải - Nguyễn Bá Dương, *Đặc điểm tư duy học sinh miền núi*. Nghiên cứu giáo dục, 9/1991

(³). Xem: Nguyễn Văn Hộ - Phạm Hồng Quang, *Học viên Hmông với việc phát triển âm chuẩn tiếng Việt*, Nghiên cứu Giáo dục, 1992

(⁴). Xem: Phạm Hồng Quang, *Khả năng giao tiếp của sinh viên sư phạm miền núi*, TC. Đại học và giáo dục chuyên nghiệp

- Phân loại và bồi dưỡng học sinh theo trình độ từ khi mới vào trường và trong quá trình đào tạo.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng tự tổ chức học tập cho học sinh.

- Khắc phục ảnh hưởng của giao thoa, ngôn ngữ trong quá trình học tiếng Việt thông qua hệ thống bài tập.

- Phát triển ngôn ngữ cho học sinh dân tộc qua các hình thức tổ chức học tập.

- Sử dụng môi trường nội trú hợp lý cho việc tự học.

- Kiểm tra đánh giá kết quả học tập thông qua 2 hình thức tổ chức học tập ở trên lớp và ngoài lớp.

Do nghiệm trên đối tượng học sinh dân tộc nội trú học tập ở môn tiếng Việt theo các biện pháp trên đây, chúng tôi thu được kết quả sau.

Hiệu suất trung bình của bài học được nâng lên đáng kể (từ 0,44 tăng 0,73)

tính theo thời gian. Các kỹ năng học tập, mức độ hiểu biết của bản chất vấn đề học tập có hệ số trung bình tăng (hiểu nhanh: 0,60 → 0,62; nhớ lâu: 0,57 → 0,70; biết vận dụng 0,72 → 0,82). Nhìn chung, tính tích cực của học tập hứng thú học tập của học sinh được nâng lên, có tính ổn định. Sự chuyển biến nhận thức của học sinh dân tộc có xu hướng tích cực do sự tác động của các biện pháp tổ chức học tập có hiệu quả, phù hợp. Hứng thú học tập, nhu cầu giao tiếp, nhu cầu sử dụng, thực hành kỹ năng học tập của học sinh dân tộc khi được đáp ứng sẽ tăng cường độ về chất lượng nhận thức của họ. Đặc biệt, năng lực tư duy ngôn ngữ được phát triển khi học tập, giao tiếp bằng tiếng Việt. Đối với học sinh dân tộc tiếng Việt có vai trò quan trọng, là công cụ nhận thức chủ yếu để tiếp nhận những giá trị của nền văn minh cộng đồng có hiệu quả nhất.

TƯ LIỆU VỀ.....(xem tiếp trang 60)

bấy giờ năm (1934) khi vương triều độc tôn Nho giáo Nguyễn đã được xác lập hơn 30 năm. Một lần nữa ta có thêm cứ liệu

khẳng định sức sống của Phật giáo tại các vùng xã trong khung cảnh chính trị Nho giáo với các chính thể nếu không ngăn cản thì cũng ít có tác động thuận chiều kích thích nó phát triển.

(1). Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XI, Khoa học xã hội H.1981

(2). Địa bạ các làng xã thuộc huyện La Sơn Phú Hào tỉnh Thanh Hoá, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, kí hiệu DT 12/E

(3). Chúng tôi tạm dùng khái niệm xã độc lập để chỉ cái xã không có nhiều thôn phối thuộc phân biệt với loại xã gồm nhiều thôn (loại nhất xã nhì thôn nhất xã tam thôn..)

(4). Trong bảng thống kê số 2 những xã thuộc thôn có chùa hoặc đền miếu nhưng không có số liệu về diện tích là do chúng được xây dựng trên núi.

(5). Thực ra nếu chỉ căn cứ vào khuôn viên (tức diện tích) của một ngôi chùa (hay đền miếu) để đánh giá mô lớn hay nhỏ là chưa thỏa đáng vì quy mô này với quy mô kiến trúc không phải lúc nào cũng tỷ lệ thuận. Tuy nhiên dù sao đây cũng là một tiêu chí quan trọng

(6). Như đã nói bài này chỉ nhằm cung cấp một số tư liệu thuần túy về mặt lượng. Trong luận văn tới chúng tôi sẽ bàn riêng về nội dung của tín ngưỡng dân gian Nga Sơn thông qua phân tích danh mục các vị thần được thờ phụng tại 88 ngôi đền miếu nhắc tới ở trên.